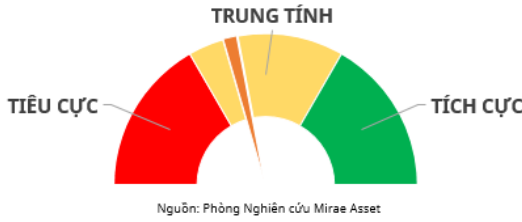


Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,188.88	1.68	-2.46	-13.65
HNX	277.18	2.89	-7.81	-12.23
UPCOM	86.70	1.24	-7.41	-3.71
MSCI EM	993.59	-2.30	-3.96	-26.97
NIKKEI	26,171.25	0.08	-3.07	-9.36
HANG SENG	21,306.20	1.42	4.08	-26.06
KOSPI	2,314.32	-1.22	-12.58	-29.36
FTSE	7,030.22	-0.83	-6.43	-0.62
S&P 500	3,759.89	-0.13	-5.38	-11.36
NASDAQ	11,053.08	-0.15	-4.18	-22.55

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	12.95	1.99	15.60
SET INDEX	16.74	1.15	9.17
JCI INDEX	14.97	2.07	13.15
PCOMP INDEX	17.39	1.49	8.96

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.39	-1	1	130
10 năm	3.28	-1	14	109

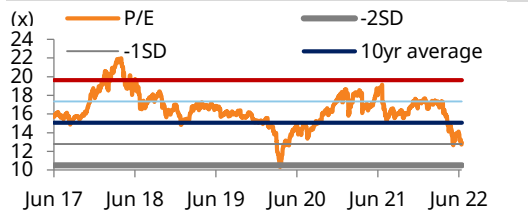
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,248	-0.03	-0.35	-1.01
US\$/KRW	1,302	-0.31	-2.85	-12.59
US\$/JPY	135	0.64	-5.53	-18.04
US\$/EUR	0.95	0.54	1.72	13.47
US\$/GBP	0.82	0.66	3.32	14.62
US\$/SGD	1.39	-0.33	-1.29	-3.34

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	507	603	943
HNX	55	73	124
UPCOM	49	49	72

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



Nhận định thị trường

Khối lượng thấp nhất từ đầu năm

Nếu trong phiên hôm qua áp lực bán tháo và phân hóa rõ nét diễn ra ở nhiều mã khác nhau, thì lực cầu lại có phần áp đảo hơn trong phiên hôm nay, với diễn biến tăng điểm mạnh mẽ và nhiều mã cổ phiếu đóng cửa với sắc tím. Kết thúc, VN-Index tăng gần 20 điểm với mức tăng hơn 1,6% và dừng chân tại 1,188 điểm. Thế nhưng, một điểm trừ của chỉ số này là khối lượng khớp lệnh lại có phần sụt giảm mạnh hơn 12% trong phiên, ở mức thấp kỷ lục tính từ đầu năm khi chỉ đạt hơn 380 triệu đơn vị khớp lệnh, tương ứng với giá trị giao dịch dừng tại 8,712 tỷ đồng.

Trái với diễn biến bị bán mạnh ở nhiều phiên trước, các nhóm cổ phiếu này đã đồng loạt hồi phục khá tốt. Trong đó, nhóm cổ phiếu Điện như REE, POW, GEG, NT2 và PC1 điều tăng hết biên độ. Bên cạnh đó, nhóm thủy sản cũng có diễn biến tương tự với ANV, ASM và VHC. Ngoài ra, một số mã cổ phiếu khác cũng đồng loạt khoác sắc tím như: HAH, GMD, DCM, DPM, DGC, DIG và DXG.

Đóng góp vào lực cầu chung trong phiên, khối ngoại mua ròng gần 353 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đặc biệt, MWG và STB được mua ròng mạnh nhất với tổng giá trị tương ứng đạt 117 tỷ đồng và 82 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, NVL và VND gặp phải áp lực bán ròng nhẹ với giá trị lần lượt 35 tỷ và 30 tỷ đồng.

Diễn biến tăng điểm bất phá đã giúp điểm số đánh giá kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index được cải thiện tích cực từ mức thấp nhất -7 điểm (TIÊU CỰC) lên mức -2 điểm (TRUNG TÍNH). P/E hiện tại của VN-Index đạt 13,0x.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, Hung.tht@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	-7	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-6	TIÊU CỰC
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (23/06/2022)	Kháng cự 1	1.260
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	1.310
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.160
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.100

VN-Index bật tăng mạnh tại vùng giá thấp nhất trong 1 năm trở lại đây

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



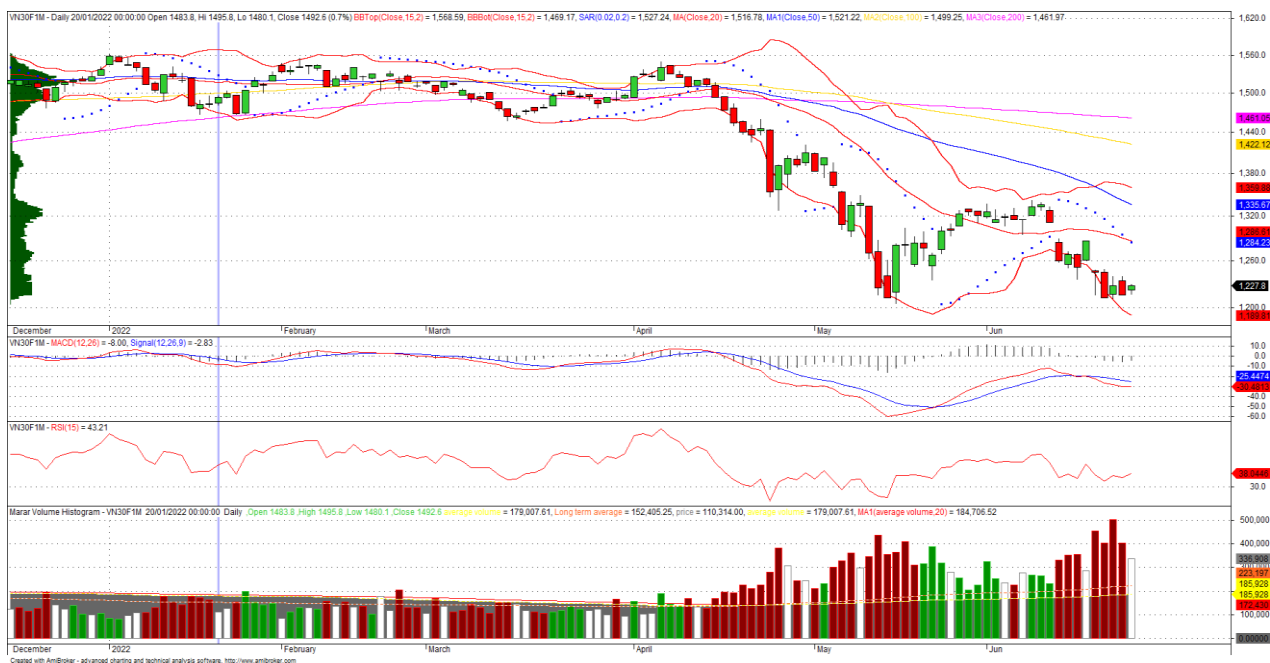
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (23/06/2022)	1.227.8	Kháng cự 1	1.330
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.400
VN30 - đóng cửa	1.240	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-12,78	Hỗ trợ 2	1.100

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-2	TRUNG TÍNH

VN30F1M đang tiếp tục tích lũy đi ngang quanh vùng giá thấp

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
----	-------	--------------	--------------	-----------------------	------------------------	---------------------

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VJC	128.2	713,475	4	KHẢ QUAN	69,435	354.7	4.1	91
HAG	8.24	10,349,640	4	KHẢ QUAN	7,642	14.9	1.7	85
VPI	62.8	1,088,990	4	KHẢ QUAN	13,816	34.1	4.5	68
STB	21.3	14,249,865	2	TRUNG TÍNH	40,155	10.2	1.1	304
TCB	35.95	5,051,605	2	TRUNG TÍNH	126,217	6.6	1.3	182
VNM	70.7	2,015,390	2	TRUNG TÍNH	147,760	16.1	4.6	142
PDR	52.2	2,095,760	2	TRUNG TÍNH	35,060	18.8	4.8	109
FLC	4.33	8,953,895	2	TRUNG TÍNH	3,074	#N/A N/A	0.3	39
HPG	21.8	23,247,404	0	TRUNG TÍNH	126,763	3.8	1.3	507
PNJ	120.5	1,349,305	0	TRUNG TÍNH	29,205	22.1	3.6	163
SHB	13.55	6,944,165	0	TRUNG TÍNH	36,136	5.6	1.0	94
VGC	52.6	1,699,255	0	TRUNG TÍNH	23,583	14.3	3.0	89
BVH	52.7	1,558,775	0	TRUNG TÍNH	39,120	20.8	1.8	82
AAA	11.7	4,106,955	0	TRUNG TÍNH	3,819	11.9	0.8	48
SSI	18.5	16,872,824	-2	TRUNG TÍNH	18,366	6.5	1.3	312
VPB	28.45	10,222,570	-2	TRUNG TÍNH	126,474	7.3	1.5	291
DIG	36.05	7,935,060	-2	TRUNG TÍNH	18,021	17.1	2.4	286
GEX	19.2	11,229,200	-2	TRUNG TÍNH	16,349	14.2	1.3	216
DXG	20.2	10,227,290	-2	TRUNG TÍNH	12,272	13.4	1.3	207
MBB	24.05	8,561,495	-2	TRUNG TÍNH	90,869	6.6	1.4	206
GMD	53	3,535,065	-2	TRUNG TÍNH	15,973	23.5	2.4	187
VCI	33.8	4,602,900	-2	TRUNG TÍNH	11,323	6.9	1.6	156
CEO	27.9	4,743,160	-2	TRUNG TÍNH	7,180	48.9	2.4	132
SHS	14.2	8,593,780	-2	TRUNG TÍNH	5,334	4.6	1.1	122
HDG	55.1	2,163,365	-2	TRUNG TÍNH	11,232	10.7	2.4	119
IDC	51.7	2,196,685	-2	TRUNG TÍNH	15,510	23.6	3.7	114
HUT	25.7	4,280,990	-2	TRUNG TÍNH	8,960	48.9	2.3	110
NLG	36.3	2,656,415	-2	TRUNG TÍNH	13,901	19.1	1.6	96
CTG	25.25	3,815,745	-2	TRUNG TÍNH	121,345	9.9	1.2	96
HBC	17.45	5,311,350	-2	TRUNG TÍNH	4,287	39.0	1.2	93
LPB	13.5	6,301,025	-2	TRUNG TÍNH	20,298	6.1	1.1	85
BCG	14.45	5,694,095	-2	TRUNG TÍNH	7,273	6.6	1.2	82
TPB	26.5	2,920,795	-2	TRUNG TÍNH	41,917	8.0	1.5	77
HCM	20.1	3,718,045	-2	TRUNG TÍNH	9,190	7.7	1.2	75
CII	16.85	4,426,570	-2	TRUNG TÍNH	4,250	13.3	0.8	75

ACB	23.75	2,910,110	-2	TRUNG TÍNH	80,214	7.7	1.7	69
VIX	9.1	7,205,410	-2	TRUNG TÍNH	4,998	4.4	0.8	66
PLX	40.7	1,248,735	-2	TRUNG TÍNH	51,713	20.9	2.0	51
GVR	22.7	1,961,690	-2	TRUNG TÍNH	90,800	20.7	1.8	45
TCH	10.7	4,123,740	-2	TRUNG TÍNH	7,150	13.9	0.8	44
HQC	4.06	10,716,345	-2	TRUNG TÍNH	1,935	238.4	0.4	44
KSB	26	1,666,860	-2	TRUNG TÍNH	1,984	9.2	1.1	43
DBC	17.75	2,284,735	-2	TRUNG TÍNH	4,296	9.1	0.9	41
HDC	34	1,163,295	-2	TRUNG TÍNH	3,675	11.0	2.4	40
SCR	9.12	4,256,780	-2	TRUNG TÍNH	3,341	16.0	0.7	39
LCG	10.05	3,718,150	-2	TRUNG TÍNH	1,733	8.8	0.7	37
SBT	15.75	2,291,190	-2	TRUNG TÍNH	9,909	13.8	1.2	36
VIB	20.35	1,722,400	-2	TRUNG TÍNH	42,891	6.4	1.6	35
DPG	50	682,270	-2	TRUNG TÍNH	3,150	8.8	2.1	34
FCN	12.95	2,612,015	-2	TRUNG TÍNH	2,039	36.3	0.8	34
BID	31	1,032,170	-2	TRUNG TÍNH	156,814	13.7	1.8	32
BSR	27.9	21,828,064	-4	TIÊU CỰC	86,504	13.2	2.3	609
DPM	53	5,297,910	-4	TIÊU CỰC	20,741	4.1	1.7	281
DGC	119.8	2,269,900	-4	TIÊU CỰC	44,475	13.8	6.1	272
VND	16.95	15,096,475	-4	TIÊU CỰC	20,642	4.9	1.3	256
DCM	35.45	7,163,350	-4	TIÊU CỰC	18,767	6.3	2.1	254
VHC	93.6	2,421,045	-4	TIÊU CỰC	17,164	11.2	2.7	227
FPT	85.5	2,533,200	-4	TIÊU CỰC	93,797	19.9	4.9	217
GAS	116.8	1,767,770	-4	TIÊU CỰC	223,549	22.9	4.1	206
MWG	72.5	2,573,840	-4	TIÊU CỰC	106,119	20.6	4.7	187
HAH	73.1	2,459,660	-4	TIÊU CỰC	4,992	9.1	3.0	180
PVD	17.2	10,151,815	-4	TIÊU CỰC	8,692	152.7	0.6	175
REE	85.3	1,750,945	-4	TIÊU CỰC	30,316	14.2	2.2	149
FRT	89.8	1,592,095	-4	TIÊU CỰC	10,639	18.4	5.8	143
HSG	15.15	9,041,480	-4	TIÊU CỰC	7,476	2.1	0.7	137
NKG	16.75	7,758,640	-4	TIÊU CỰC	4,410	1.7	0.7	130
ANV	57.1	2,245,485	-4	TIÊU CỰC	7,259	26.7	2.9	128
TNG	30.2	3,874,210	-4	TIÊU CỰC	3,023	11.2	2.1	117
MSN	110	1,015,330	-4	TIÊU CỰC	156,610	15.6	5.7	112
IDI	22.6	4,706,005	-4	TIÊU CỰC	5,145	16.3	1.6	106
KDC	61.8	1,380,885	-4	TIÊU CỰC	15,550	25.3	2.4	85
KBC	29.7	2,864,460	-4	TIÊU CỰC	22,798	34.3	1.6	85
ASM	14.95	5,656,430	-4	TIÊU CỰC	5,031	7.2	1.0	85
PVT	19.7	4,195,810	-4	TIÊU CỰC	6,376	9.4	1.2	83
NT2	25	2,972,235	-4	TIÊU CỰC	7,197	12.9	1.6	74
ITA	9.18	7,829,630	-4	TIÊU CỰC	8,614	39.0	0.8	72
VCG	19.1	3,418,585	-4	TIÊU CỰC	8,437	10.1	1.3	65
MIG	24.8	2,178,290	-4	TIÊU CỰC	4,078	16.0	2.2	54
VSC	45.3	1,009,855	-4	TIÊU CỰC	4,994	12.4	1.8	46
PAN	20.65	2,184,110	-4	TIÊU CỰC	4,314	12.3	1.0	45
CMX	17.35	2,432,695	-4	TIÊU CỰC	1,576	11.7	1.4	42
PET	36.9	1,137,810	-4	TIÊU CỰC	3,315	11.5	1.8	42
PVC	17	2,332,505	-4	TIÊU CỰC	850	393.5	1.2	40

GIL	52.6	742,025	-4	TIÊU CỰC	3,156	6.0	1.3	39
VGT	18.1	2,119,935	-4	TIÊU CỰC	9,050	11.5	1.3	38
SZC	44.5	849,290	-4	TIÊU CỰC	4,450	16.1	3.2	38
PHR	65.2	549,425	-4	TIÊU CỰC	8,835	12.8	2.7	36
NVL	74.9	2,731,825	-5	TIÊU CỰC	146,038	34.5	4.0	205
VIC	74.2	1,788,370	-5	TIÊU CỰC	282,994	#N/A N/A	2.7	133
PVS	24.7	13,795,415	-6	TIÊU CỰC	11,806	17.5	1.0	341
POW	13.9	24,016,570	-6	TIÊU CỰC	32,552	16.2	1.1	334
PC1	39.2	2,744,395	-6	TIÊU CỰC	9,218	12.1	1.9	108
DGW	118	764,685	-6	TIÊU CỰC	10,691	13.7	5.3	90
VRE	28.05	2,150,495	-6	TIÊU CỰC	63,739	70.0	2.1	60
GEG	23.2	2,548,770	-6	TIÊU CỰC	7,469	21.3	2.1	59
CTR	64	684,620	-6	TIÊU CỰC	7,321	18.6	5.2	44
CSV	49.1	756,970	-6	TIÊU CỰC	2,170	8.2	1.8	37
VHM	63.2	3,139,870	-7	TIÊU CỰC	275,196	7.2	2.1	198
VCB	75.9	923,485	-7	TIÊU CỰC	359,198	15.6	3.1	70
HDB	23.5	1,991,625	-7	TIÊU CỰC	47,287	7.3	1.5	47

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Fed quyết tâm kéo giảm lạm phát, thừa nhận rủi ro suy thoái

Chủ tịch Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) phát biểu trước các nhà lập pháp tại Quốc hội trong ngày 22/6 rằng cơ quan này quyết tâm kéo giảm lạm phát và tự tin có thể hoàn thành được mục tiêu này. “Tại Fed, chúng tôi thấu hiểu những khó khăn mà lạm phát mang lại. Chúng tôi cam kết kéo giảm lạm phát và đang nỗ lực không ngừng để sớm hoàn thành mục tiêu đó”, ông Powell chia sẻ. “Chúng tôi có tất cả những công cụ cần thiết và sự quyết tâm nhằm sớm ổn định giá cả, vì lợi ích của người dân và doanh nghiệp Mỹ”. Bên cạnh đó, ông Powell cho biết các điều kiện kinh tế của Mỹ nhìn chung vẫn tương đối thuận lợi, với nhu cầu người dân và thị trường lao động vững chắc. Tuy nhiên, Thượng nghị sĩ đảng Dân chủ Elizabeth Warren cảnh báo ông Powell rằng quá trình tăng lãi suất “có thể đẩy nền kinh tế vào suy thoái”, thậm chí không có tác dụng đẩy lùi lạm phát.

UOB dự báo GDP quý II Việt Nam tăng 6%

Trong báo cáo tăng trưởng kinh tế quý II vừa công bố, ngân hàng UOB dự báo GDP Việt Nam quý II và III lần lượt tăng 6% và 7,6%. Theo đó, ngân hàng này giữ nguyên dự báo GDP năm nay tăng trưởng 6,5%. Triển vọng này có được là nhờ GDP thực tế của Việt Nam trong quý I vừa qua đã tăng 5,03% so với cùng kỳ năm ngoái, tiếp nối mức tăng 5,22% trong quý IV/2021, nhờ lĩnh vực dịch vụ phục hồi sau khi nền kinh tế được mở cửa trở lại thông qua việc nới lỏng hạn chế về di chuyển và giãn cách. Lĩnh vực sản xuất tiếp tục dẫn đầu trong việc đóng góp vào tăng trưởng nhưng tăng mạnh nhất là lĩnh vực dịch vụ nói chung với mức tăng 4,58% so với cùng kỳ năm ngoái. Rõ ràng là các hoạt động dịch vụ đã hưởng lợi từ việc dỡ bỏ các hạn chế Covid-19 được áp dụng trong nửa cuối năm 2021. UOB cũng cho biết dữ liệu gần đây cho thấy đà tăng trưởng kinh tế cơ bản vẫn giữ nguyên trong quý II này. Bởi lĩnh vực sản xuất tiếp tục tăng, ở mức 9,24% so với cùng kỳ năm trước trong 5 tháng đầu năm. Kết quả này cũng được phản ánh trong chỉ số PMI.

KDH: chốt quyền trả cổ tức 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%

Nghị quyết HĐQT Đầu tư và Phát triển nhà Khang Điền ([HoSE: KDH](#)) vừa thông qua việc phát hành 64,2 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng là 5/7. Nguồn vốn phát hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế trên báo cáo tài chính kiểm toán 2021. Ngoài ra, Khang Điền cũng sẽ chào bán thêm 9,6 triệu cổ phiếu ESOP cho HĐQT và người lao động trong công ty. Thời gian nộp tiền mua từ ngày 1/7 đến 15/7. Giá bán sẽ là 24.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ phát hành so với số cổ phiếu đang lưu hành là 1,5% và bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm. Tổng số tiền thu được rơi vào khoảng 216 tỷ đồng sẽ được bổ sung vốn kinh doanh cho công ty. Sau hai đợt phát hành trên, vốn điều lệ của doanh nghiệp sẽ tăng lên 7.169 tỷ đồng. Kết thúc phiên giao dịch ngày 22/6, cổ phiếu KDH có giá 38.500 đồng/cp, giảm gần 33% so với mức lịch sử 56.800 đồng vào đầu tháng 1.

GMD: sẽ phát hành hơn 100 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 20.000 đồng/cp

HĐQT Gemadept ([HoSE:GMD](#)) vừa ra quyết nghị triển khai phát hành 100,5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành 20.000 đồng/cp. Tỷ lệ thực hiện quyền là 3:1, cổ đông sở hữu một cổ phiếu sẽ được một quyền mua, cứ 3 quyền mua sẽ được 1 cổ phiếu mới. Cổ phiếu được mua bởi quyền mua cổ phần được tự do chuyển nhượng. Sau phát hành, vốn điều lệ tăng từ 3.013,8 tỷ đồng lên 4.018,4 tỷ đồng. Công ty dự kiến phát hành trong năm nay, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Tổng số tiền 2.009 tỷ đồng thu được từ đợt phát hành dùng để phục vụ hoạt động kinh doanh. Về việc phân bổ số tiền này, công ty sẽ trích 800 tỷ đồng (39,8%) đầu tư vào CTCP Cảng Nam Đình Vũ để mở rộng giai đoạn 2 và góp vốn vào các dự án cảng thủy nội địa; 1.000 tỷ đồng (49,8%) đổ vào CTCP Cảng Cái Mép – Terminal Link để thực hiện đầu tư mở rộng giai đoạn 2; và 209 tỷ (10,4%) đồng để mua sắm tài sản cố định phát triển hoạt động kinh doanh.

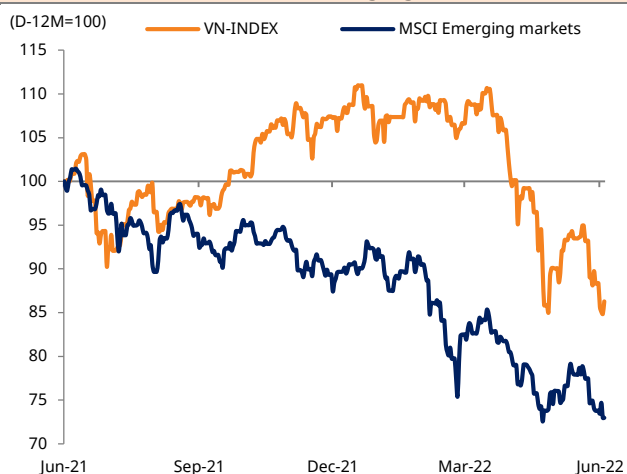
GAS: ước lãi gần 7.000 tỷ đồng nửa đầu năm, tăng 59%

Ngày 21/6, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas, [HoSE: GAS](#)) tổ chức hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022. Lãnh đạo tổng công ty cho biết trong 6 tháng đầu năm, bên cạnh thuận lợi do giá dầu, giá CP của LPG tăng thì cũng có những thách thức. Đó là tác động địa chính trị từ xung đột Nga - Ukraine, cùng với chính sách phòng chống dịch Covid -19 nghiêm ngặt của Trung Quốc gây gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, tiếp tục ảnh hưởng đến cung - cầu năng lượng và làm giá cả hàng hóa, nguyên, nhiên vật liệu tăng cao. Huy động khí cho sản xuất điện thấp hơn so với cùng kỳ năm trước và kế hoạch PVN giao. Các công tác liên quan đến phát triển các dự án mới, phê duyệt cước phí gặp nhiều khó khăn.

BBC: chốt quyền cổ tức tiền mặt tỷ lệ 10%

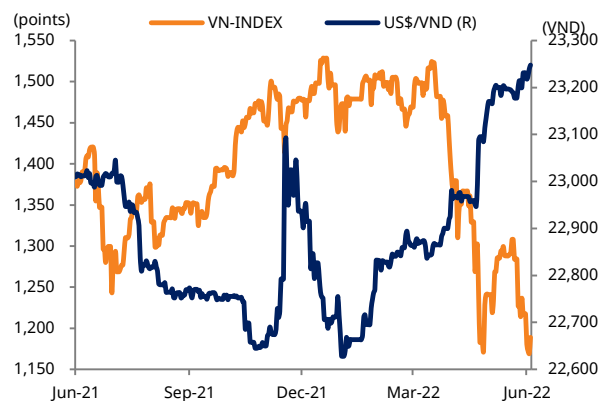
HĐQT Bibica ([HoSE:BBC](#)) – đơn vị thành viên Tập đoàn PAN ([HoSE: PAN](#)) thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm ngoài bằng tiền với tỷ lệ 10%, tương đương 1.000 đồng/cp. Với 18,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Bibica dự chi gần 18,8 tỷ đồng để thanh toán cổ tức cho cổ đông. Ngày đăng ký cuối cùng là 12/7, và ngày bắt đầu thực hiện chi trả cổ tức là 12/8. Trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu BBC giao dịch trong ngày 22/6 ở vùng đỉnh một năm với mức 111.000 đồng/cp. Tính từ đầu năm đến nay, thị giá mã này tăng gần 76% trong khi VN-Index giảm gần 22%. Kết thúc quý I, Bibica ghi nhận lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 131 tỷ đồng, gấp 17,6 lần cùng kỳ năm trước và lập kỷ lục mới. Doanh nghiệp cho biết trong kỳ phát sinh chuyển nhượng tài sản làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



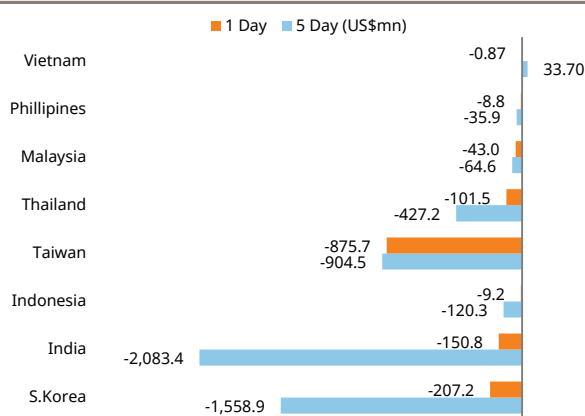
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



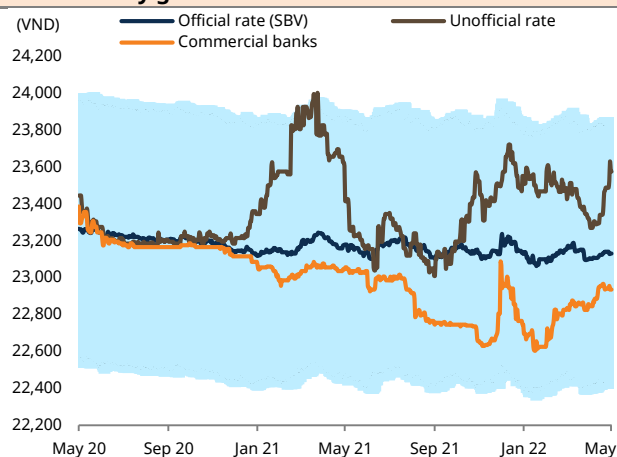
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



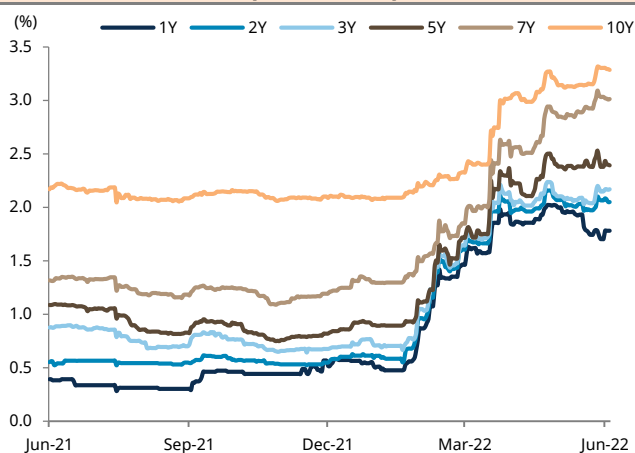
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



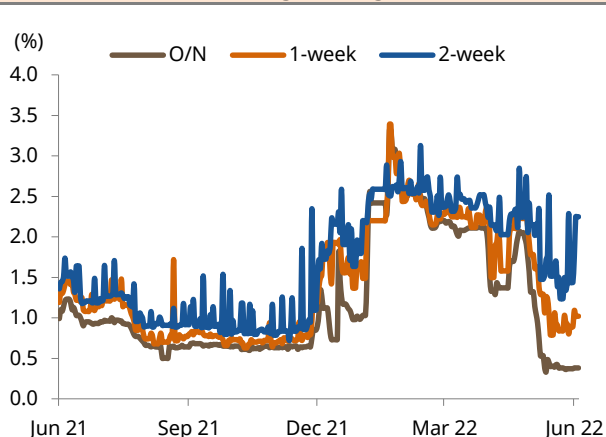
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,240.58	3,264,621		1.1	-1.4	-1.2	-16.7	11.6	10.5	2.2	1.8	38.5	11.2	19.6	20.9
Asia Commercial Bank	ACB VN	23,750	80,214	30.0	0.0	2.8	4.3	-17.1	8.5	7.6	1.8	1.4	24.6	11.5	23.5	24.9
BIDV	BID VN	31,000	156,814	16.9	1.6	-1.9	-7.0	-14.1	17.9	11.8	1.9	1.6	50.3	52.4	11.0	16.1
Bao Viet Holdings	BVH VN	52,700	39,120	26.5	3.1	2.3	3.7	-10.4	20.6	16.5	1.8	1.7	21.8	25.3	9.2	11.0
VietinBank	CTG VN	25,250	121,345	26.3	7.0	7.2	1.0	-38.2	8.6	5.8	1.3	1.1	18.2	47.6	15.8	18.3
FPT Corp	FPT VN	85,500	93,797	49.0	1.2	-7.1	6.3	20.8	23.6	17.7	5.2	4.6	21.5	33.4	23.4	26.9
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	116,800	223,549	2.9	5.0	-12.8	12.9	24.4	26.8	17.3	4.4	3.9	8.1	54.6	16.8	22.1
Vietnam Rubber Group	GVR VN	22,700	90,800	0.5	4.1	0.0	-4.2	-32.2	21.8	18.6	1.9	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	23,500	47,287	17.0	-0.4	-4.5	-2.9	-14.2	7.7	6.3	1.6	1.3	42.5	22.1	23.3	22.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	21,800	126,763	21.3	1.4	-6.0	-22.9	-44.9	4.0	4.3	1.4	1.1	151.5	-7.9	42.8	28.9
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	38,100	24,496	32.3	-1.0	-2.3	-6.8	3.4	21.3	17.8	2.4	2.1	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	24,050	90,869	23.2	2.6	3.2	-8.6	-22.5	7.2	5.8	1.5	1.2	53.0	24.1	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	110,000	156,610	28.7	3.8	-6.0	5.3	23.6	18.2	23.8	4.7	4.0	589.7	-23.8	35.1	18.2
Mobile World Investment Corp	MWG VN	72,500	106,119	48.9	3.9	-6.7	10.9	51.0	21.0	17.6	5.1	4.5	18.2	19.8	27.3	27.6
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	74,900	146,038	6.2	-0.8	-1.1	-2.0	-12.4	41.2	28.3	4.1	3.6	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	52,200	35,060	2.4	0.8	3.8	-1.5	-17.4	19.5	#N/A	5.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	40,700	51,713	17.3	3.0	-2.9	1.1	-28.0	22.8	19.0	2.1	2.0	160.6	19.9	9.7	11.0
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	120,500	29,205	49.0	3.9	-1.2	15.3	22.0	28.7	19.5	4.6	3.4	-2.6	47.4	17.0	22.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,900	32,552	2.3	6.9	-13.7	9.0	13.0	18.4	16.7	1.1	1.0	-24.2	9.8	6.2	6.3
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	153,400	98,373	62.7	-1.7	-1.7	-0.5	-9.9	27.9	22.2	4.6	4.2	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	18,500	18,366	34.9	4.5	-4.5	-25.7	-40.3	7.6	8.0	1.4	#N/A	100.3	-5.2	21.0	17.4
Sacombank	STB VN	21,300	40,155	20.9	3.9	5.2	4.7	-28.4	13.1	12.2	1.2	1.1	30.6	7.4	9.5	11.6
Techcombank	TCB VN	35,950	126,217	22.5	3.3	4.2	3.2	-29.6	7.0	5.8	1.4	1.1	46.1	20.0	21.7	20.9
Tien Phong Bank	TPB VN	26,500	41,917	30.0	1.1	3.9	-11.7	0.1	8.2	11.5	1.6	1.3	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	75,900	359,198	23.6	-0.1	-0.3	2.0	-11.7	18.1	13.5	3.3	2.6	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	63,200	275,196	23.4	-2.5	-4.2	-5.2	-26.2	7.0	8.6	2.2	1.8	40.9	-18.3	36.9	22.8
Vingroup JSC	VIC VN	74,200	282,994	12.3	-1.1	-3.1	-4.1	-28.6	#N/A	243.5	2.8	2.8	-145.6	144.5	-2.8	1.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	128,200	69,435	16.8	-0.9	2.6	2.6	11.4	922.3	56.5	4.1	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	70,700	147,760	54.5	0.1	6.0	6.6	-21.4	15.7	16.1	4.5	4.3	-5.3	-2.9	29.3	28.0
VPBank	VPB VN	28,450	126,474	17.4	0.2	2.0	-2.9	-25.8	10.7	6.2	1.6	1.2	11.6	73.2	17.9	21.1
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,050	63,739	31.2	-1.6	-4.4	2.6	-11.0	48.5	28.7	2.1	2.0	-44.8	69.2	4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	19.61	4,637,477	1.7	-2.3	-2.5	-13.7	35.2	17.5	13.7	11.7
Ô tô và phụ tùng	0.04	8,716	1.6	-2.9	-1.2	11.6	-0.3	32.4	14.5	11.0
Ngân hàng	6.38	1,438,832	1.8	1.9	-1.6	-18.1	32.1	28.8	10.3	8.0
Xây dựng cơ bản	2.51	221,310	4.6	-4.1	-1.0	25.5	19.9	31.3	12.8	9.7
Dịch vụ thương mại	0.03	5,383	2.2	-0.6	1.4	18.2	-5.1	33.5	16.0	12.0
May mặc và trang sức	0.47	51,917	3.6	-3.2	5.2	12.7	11.7	61.0	17.0	10.5
Dịch vụ tiêu dùng	0.04	7,290	2.3	0.1	-1.9	-1.9	1798.5	165.3	74.4	28.0
Dịch vụ tài chính	0.66	93,561	2.8	1.9	-18.9	-19.0	143.8	10.5	6.1	5.6
Dầu khí	0.67	70,194	3.8	-4.9	-1.4	-22.3	83.2	9.1	20.5	18.8
Thực phẩm, đồ uống	1.92	520,521	1.5	-0.6	4.4	5.8	28.6	14.5	19.6	17.1
Y tế	0.00	3,082	-0.1	-1.5	5.2	64.7	65.3	13.9	22.3	19.6
Bảo hiểm	0.38	52,495	2.8	0.4	3.2	-0.2	28.2	-2.5	17.3	17.8
Nguyên vật liệu	2.90	380,503	2.9	-4.9	-9.1	1.8	118.0	-3.5	6.1	6.3
Dược phẩm	0.00	28,360	0.0	-1.6	-4.6	-4.2	7.4	5.1	15.3	14.6
Bất động sản	-1.65	1,041,267	-0.6	-2.9	-5.2	-15.4	8.0	10.2	18.9	17.2
Bán lẻ	1.21	124,464	3.7	-6.7	10.3	84.5	33.8	24.1	11.6	9.4
Phần mềm và dịch vụ	0.28	100,563	1.0	-6.8	5.4	23.8	22.6	23.3	20.2	16.4
Vận tải	0.59	180,933	1.4	-0.3	-2.2	15.0	-29.1	56.1	#N/A	#N/A
Tiện ích	3.68	357,705	4.2	-11.0	9.9	23.5	10.1	16.8	20.1	17.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	116,800	5.0	1,113,700	2.8
CTG VN	25,250	7.0	4,669,100	2.1
MSN VN	110,000	3.8	397,300	1.5
TCB VN	35,950	3.3	4,708,100	1.1
MWG VN	72,500	3.9	4,908,000	1.0
GVR VN	22,700	4.1	874,200	0.9
DGC VN	119,800	7.0	980,800	0.8
BID VN	31,000	1.6	422,300	0.7
VIB VN	20,350	5.7	1,731,700	0.6
MBB VN	24,050	2.6	5,639,300	0.6

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	63,200	-2.5	5,534,200	-1.8
VIC VN	74,200	-1.1	1,548,900	-0.8
SAB VN	153,400	-1.7	23,500	-0.4
NVL VN	74,900	-0.8	2,913,600	-0.3
VRE VN	28,050	-1.6	801,400	-0.3
PGV VN	25,950	-3.0	19,400	-0.2
VJC VN	128,200	-0.9	682,700	-0.2
VCB VN	75,900	-0.1	590,200	-0.1
KDH VN	38,100	-1.0	471,500	-0.1
VPI VN	62,800	-1.7	715,900	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.